

Bản án số: 87/2023/DS-ST
Ngày: 15-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bạch Ngọc Bay;
- Ông Nguyễn Minh Chí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966, cư trú: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An (có mặt);
- Bị đơn:* Ông Mai Ngọc H, sinh năm: 1986, tên gọi khác: Mai Văn N, cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Kim N1, sinh năm: 1964, cư trú: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T kinh doanh tạp hóa, thức ăn gia cầm Kiều Diễm tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An. Ông Mai Ngọc H và ông Nguyễn Văn T xác lập hợp đồng mua bán thức ăn gia cầm, cụ thể là nuôi gà, ông T cung cấp thức ăn cho 4.000 con gà mà ông H nuôi.

Ông T giao thức ăn trước cho ông H rồi mới lập Hợp đồng mua bán thức ăn ngày 16/8/2018 (âm lịch), ông T và ông H đều ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng, ông T cung cấp mẫu sẵn của công ty L, phần chữ nhân viên tiếp thị ghi, hợp đồng được ký tại nhà ông H. Ông H ký tên và ghi tên thường gọi của ông H là Mai Văn N. Ông T giao thức ăn trực tiếp cho trại gà của ông H, mỗi lần giao thức ăn thì ông T đều ghi vào sổ, ông T giữ một sổ, ông H giữ một sổ. Về số lượng bao thức ăn, giá tiền, loại thức ăn ông H đều thống nhất không có ý kiến gì. Các lần giao thức ăn cụ thể như sau.

Ngày 30/6/2018 âm lịch giao:

40 bao thức ăn loại 1A, giá tiền 266.000 đồng/1 bao = 10.640.000 đồng.

20 bao thức ăn loại 11C, giá tiền 254.000 đồng/1 bao = 5.080.000 đồng.

Ngày 17/7/2018 âm lịch giao:

40 bao thức ăn loại 1 A, giá 271.000 đồng/1 bao = 10.840.000 đồng.

20 bao thức ăn loại 11C, giá 259.000 đồng/1 bao = 5.180.000 đồng.

Ngày 08/8/2018 âm lịch giao:

60 bao loại thức ăn 11C, giá 259.000 đồng/1bao = 15.540.000 đồng.

60 bao loại thức ăn 11 C, giá 259.000 đồng/1bao = 15.540.000 đồng

Ngày 27/8/2018 âm lịch giao:

60 bao loại thức ăn 11C, giá 259.000 đồng/1bao = 15.540.000 đồng

60 bao loại thức ăn 11C, giá 259.000 đồng/1bao = 15.540.000 đồng

60 bao loại thức ăn 11C, giá 259.000 đồng/1bao = 15.540.000 đồng.

Ngày 25/9/2018 âm lịch giao:

60 bao loại thức ăn 11C, giá 259.000 đồng/1bao = 15.540.000 đồng.

Ngày 28/9/2018 âm lịch giao:

60 bao loại thức ăn 11C, giá 259.000 đồng/1bao = 15.540.000 đồng

60 bao loại thức ăn 11C, giá 259.000 đồng/1bao = 15.540.000 đồng.

Ngày 03/10/2018 âm lịch giao:

60 bao loại thức ăn 11C, giá 259.000 đồng/1bao = 15.540.000 đồng

60 bao loại thức ăn 11C, giá 259.000 đồng/1bao = 15.540.000 đồng

60 bao loại thức ăn 11C, giá 259.000 đồng/1bao = 15.540.000 đồng.

Đến ngày 11/11/2018 âm lịch, ông T và ông H chốt nợ, tổng số tiền thức ăn là 202.680.000 đồng thức ăn cho cả đàn gà trống và đàn gà mái.

Ông H đã trả cho ông T số tiền thức ăn 185.000.000 đồng gồm: 70.000.000 đồng, 75.000.000 đồng, 15.000.000 đồng, 15.000.000 đồng, 10.000.000 đồng không phân biệt được thức ăn của đàn gà trống hay gà mái vì cả hai đàn ăn chung một loại thức ăn. Ông T không nhớ từng ngày trả các khoản tiền trên. Trên thực tế theo tình hình chăn nuôi gà tại địa phương, đàn gà trống sẽ bán hết trước đàn gà mái, gà trống bán xong trong khoảng thời gian từ 3-4 tháng từ ngày nuôi, còn gà mái bán xong trong khoảng thời gian từ 4-5 tháng từ ngày nuôi. Như vậy đàn gà trống ông H sẽ bán xong từ 3-4 tháng từ ngày 30/6/2018 âm

lịch, còn đàn gà mái ông H sẽ bán xong từ 4-5 tháng từ ngày 30/6/2018 âm lịch, không xác định được ngày cụ thể bán hết gà mái và gà trống.

Trong Hợp đồng có ghi nếu thương lượng không được thì nhờ Tòa án kinh tế giải quyết. Nay ông T không khởi kiện tại Tòa án kinh tế mà khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Về “*vấn đề hỗ trợ trại mới 20 máng nước uống tự động/4000 con gà chủ trại bỏ tiền ra mua trước và bên công ty sẽ thanh toán lại qua đại lý khi bán hết đàn và tái đàn mới*” thì giữa ông T và ông H không thỏa thuận do mẫu hợp đồng của công ty L cung cấp, đã có thêm câu này. Ông T không yêu cầu gì đối với nội dung trên.

Tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại số tiền thức ăn gia cầm 17.680.000 đồng và trả tiền lãi chậm trả là 1,66%/tháng tạm tính từ ngày 16/8/2018 (đây là ngày lập hợp đồng mua bán tài sản) đến ngày 16/12/2022 là 52 tháng với số tiền 15.261.376 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi: 31.941.376 đồng và tiếp tục trả lãi chậm trả với lãi suất 1,66%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm. Không yêu cầu vợ của bị đơn liên đới cùng trả nợ.

Tại phiên tòa, ông Mai Văn T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mai Ngọc H (tên thường gọi là Mai Văn N) trả lại số tiền thức ăn gia cầm 15.000.000 đồng và trả tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật, tính từ ngày tiếp theo của ngày chốt nợ- ngày 11/11/2018 (âm lịch). Không yêu cầu vợ ông H liên đới cùng trả nợ. Ông T1 rút yêu cầu đòi số tiền nợ là 2.680.000 đồng.

Bị đơn ông Mai Ngọc H trình bày trong quá trình giải quyết: Ông có mua thức ăn nuôi gà của ông Nguyễn Văn T. Ông đã trả tiền cho ông T và còn nợ 15.000.000 đồng. Việc nợ tiền trong thời gian cụ thể như thế nào thì ông không nhớ. Do ông T hứa với ông H là giới thiệu người mua gà tau lông vàng cho ông H nhưng ông T không thực hiện. Ông H phải tự tìm người mua gà và bị thua lỗ gần 100.000.000 đồng. Do đó, ông H không đồng ý trả cho ông T 15.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Khi mua bán thức ăn với ông T, giữa ông H và ông T có lập hợp đồng mua bán thức ăn. Ông H ký tên và ghi họ tên là Mai Văn N vì tên ở nhà của ông H là Mai Văn N. Do ông T không ghi ràng buộc nghĩa vụ bên ông T nên ông H không ghi tên trên chứng minh của ông H là Mai Ngọc H mà ghi tên là Mai Văn N. Ông thống nhất với ngày chốt nợ mà ông T trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim N1 trình bày: Số tiền mua bán thức ăn gia cầm mà bị đơn còn nợ là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn T, ông T hoàn toàn quyết định số tiền này. Bà N1 yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T đối với ông Mai Ngọc H về việc trả số tiền là 2.680.000 đồng. Buộc ông Mai Ngọc H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ là 15.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền trên tính từ ngày tiếp theo của ngày 17/12/2018 đến khi xét xử sơ thẩm.

Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn hiện đang cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Ông Mai Ngọc H đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Bà Trần Thị Kim N1 yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Ông Nguyễn Văn T rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông Mai Ngọc H trả số tiền nợ là 2.680.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự thì Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa ông Mai Ngọc H và ông Nguyễn Văn T có xác lập hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430; Điều 431 Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Mai Ngọc H thống nhất có nợ số tiền là 15.000.000 đồng, nhưng không đồng ý trả nợ do ông Nguyễn Văn T không giới thiệu cho ông H bán gà. Do đó, ông Nguyễn Văn T khởi kiện là có căn cứ. Hội đồng xét xử căn cứ vào sự thừa nhận của ông Mai Ngọc H, xác định ông H còn nợ ông T số tiền 15.000.000 đồng.

[2.3] Do hợp đồng mua bán không ghi nhận thỏa thuận lãi chậm trả, hai bên không thống nhất lãi chậm trả, nguyên đơn yêu cầu ông T trả lãi theo mức lãi suất luật định. Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 10%/năm để xác định tiền chậm trả là phù hợp với Khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự. Ông T, ông H thống nhất trình bày ngày 17/12/2018 (ngày 11/11/2018 âm lịch) là hai bên chốt nợ. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nên Hội đồng xét xử xác định thời điểm trả lãi của ông H được tính từ ngày tiếp theo của ngày 17/12/2018.

Số tiền lãi mà bên có nghĩa vụ phải trả từ ngày 18/12/2018 đến ngày 15/8/2023 (04 năm 7 tháng 28 ngày) được tính như sau: 15.000.000 đồng x 10%/năm x 04 năm 7 tháng 28 ngày = 6.000.000 đồng + 875.000 đồng + 116.200 đồng = 6.991.200 đồng.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Ông Mai Ngọc H chịu án phí là 1.099.560 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 524.000 đồng theo biên lai thu số 0011935 ngày 10/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147; Điều 227; Điều 244, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 288, Điều 357, Điều 430; Điều 431, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T đối với ông Mai Ngọc H về việc trả số tiền là 2.680.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Mai Ngọc H.

Ông Mai Ngọc H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 6.991.200 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Ông Mai Ngọc H chịu án phí là 1.099.560 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 524.000 đồng theo biên lai thu số 0011935 ngày 10/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9

Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân